TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07**/2021/KDTM-PT
Ngày 20/10/2021
V/v: Tranh chấp HĐ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hà Huy Hùng.
Các Thẩm phán: Ông Lê Quốc Thành.
Bà Lê Thị Hiệu.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Đỗ Thị Thu Hà. Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Chính - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm công khai vụ án KDTM phúc thẩm thụ lý số 14/2020/KDTM-PT ngày 09/11/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2020/KDTM-ST ngày 09/9/2020 của Toà án nhân dân Thành phố Thanh Hóa bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2020/QĐ-PT ngày 30/11/2020 và theo Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 21/2021/QĐPT-DS ngày 13/7/2021, giữa các đương sự:

I. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.
Địa chỉ: Số 198, Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện pháp luật*: Ông Nghiêm Xuân Thành - Chủ tịch HĐQT.

- *Người đại diện theo ủy quyền*:

1. Bà Lê Thị H. Phó Giám đốc Chi nhánh Thanh Hóa. Theo Giấy Ủy quyền số 29/UQ-THO - HCNS ngày 15/5/2018 của Giám đốc Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa. Địa chỉ: Số 05 đường Phan Chu Trinh, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. Ông Mai Danh T; Trưởng phòng giao dịch Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Theo giấy ủy quyền số 23 ngày 27/11/2019 của Giám Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa. Có mặt.

II. Bị đơn: Hợp tác xã M.Q.

Địa chỉ: Thôn Ng, xã X.H, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.
- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Văn M. Chủ nhiệm. Có mặt.

III. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1972. Có mặt.

2. Bà Hoàng Thị H1, sinh năm 1973. Vắng mặt, nhưng ủy quyền cho ông Nguyễn Văn M (là chồng).

Cùng địa chỉ: Phòng xyz, ĐN 2, khu đô thị MĐ2, phường MĐ2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà H1:* Ông Phan Viết L, sinh năm 1976. Theo văn bản ủy quyền ngày 28/02/2017. Vắng mặt.

Địa chỉ: P… T.X.B, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

*** Người kháng cáo:** Hợp tác xã M.Q (Bị đơn) và bà Hoàng Thị H1 (Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

I. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Trên cơ sở đề nghị của HTX M.Q và các phương án kinh doanh, dự án đầu tư đã được thẩm định, từ tháng 01/2011 đến tháng 01/2012 Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và Hợp tác xã M.Q (viết tắt là HTX M.Q) đã ký các hợp đồng tín dụng, chi tiết như sau:

+ Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012, số tiền vay là 5.000.000.000đ, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 18%/năm, được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng, thời hạn rút vốn vay là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Sau khi ký hợp đồng, HTX M.Q đã nhận nợ như sau:

Ngày 15/3/2012 nhận nợ số tiền 1.000.000.000đ, ngày đến hạn: 17/9/2012. HTX M.Q đã thực hiện thanh toán số tiền gốc là 334.490.000đ. Dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán là 665.510.000đ.

Ngày 18/06/2012 nhận nợ số tiền 500.000.000đ, ngày đến hạn: 18/12/2012. Dư nợ gốc còn lại là 500.000.000đ.

Ngày 20/06/2012 đã nhận nợ số tiền 490.000.000đ, ngày đến hạn: 20/12/2012. Dư nợ gốc còn lại là 490.000.000đ.

Ngày 21/06/2012 đã nhận nợ số tiền 310.000.000đ, ngày đến hạn: 21/12/2012. Dư nợ gốc còn lại là 310.000.000đ.

Ngày 02/11/2012 đã nhận nợ số tiền 500.000.000đ, ngày đến hạn: 02/05/2013. Dư nợ gốc còn lại là 500.000.000đ.

Ngày 05/11/2012 đã nhận nợ số tiền 94.000.000đ, ngày đến hạn: 06/05/2013. Dư nợ gốc còn lại là 94.000.000 đồng.

Ngày 14/11/2012 đã nhận nợ số tiền 470.000.000đ, ngày đến hạn: 15/04/2013. Dư nợ gốc còn lại là 470.000.000đ.

Ngày 26/12/2012 đã nhận nợ số tiền 700.000.000đ, ngày đến hạn: 26/06/2013. HTX M.Q đã thực hiện thanh toán số tiền gốc là 287.500.000đ.

Dư nợ gốc còn lại là 412.500.000đ.

+ Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 146-2/2011/HDTD-KHDN ngày 19/9/2011, số tiền vay là 4.138.000.000đ, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 19,5%/năm, được điều chỉnh 03 tháng/lần hoặc ngay khi có thông báo thay đổi lãi suất của Ngân hàng, thời hạn rút vốn vay là 03 tháng, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Ngày 19/9/2011, HTX M.Q đã nhận nợ số tiền 4.138.000.000đ, gốc đến hạn 03 tháng/lần (theo lịch trả nợ). HTX M.Q đã thanh toán số tiền gốc là 780.214.167đ. Dư nợ gốc còn lại là 3.357.785.833đ.

Các khoản vay theo các Hợp đồng tín dụng ký kết giữa HTX M.Q và Ngân hàng được bảo đảm bằng các tài sản thế chấp gồm:

- Hợp đồng thế chấp căn hộ chung cư của bên thứ ba số 146-1/2010/HĐTC-KHDN ngày 24/12/2010 giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Văn M, bà Hoàng Thị H1 với Ngân hàng.

Tài sản là quyền sở hữu căn hộ chung cư tại địa chỉ Pxyz - ĐN2, khu đô thị Mỹ Đình II, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 903125 do UBND huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội cấp ngày 30/03/2006 cho Ông Trần Văn Phương; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H0967, số QĐ: 529/QĐ-UB. Đã làm thủ tục bán toàn bộ căn hộ Pxyz - ĐN2, khu đô thị Mỹ Đình II, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội, diện tích nhà ở sử dụng riêng 143,4m^2 (tầng 9 nhà 15 tầng), diện tích đất ở sử dụng chung 1160 m^2 cho ông Nguyễn Văn M - sinh năm 1972 và bà Hoàng Thị H1 - sinh năm 1973.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 146-2/2011/HĐTC-KHDN ngày 05/10/2011 giữa Bên thế chấp là HTX M.Q với Ngân hàng.

Tài sản là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất số: 37; 39; 40; 41; 42; 43; 44, tờ bản đồ số 04 - Bản đồ địa chính, địa chỉ các thửa đất: Thôn Ng, xã X.H, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa, theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 886158 cấp ngày 30/12/2010; số BD 886159 cấp ngày 20/12/2010; số BD 886160 cấp ngày 20/12/2010; số BD 886161 cấp ngày 20/12/2010; số BD 886162 cấp ngày 20/12/2010; số BD 886163 cấp ngày 20/12/2010; số BD 886164 cấp ngày 20/12/2010 do UBND huyện Nh.Xcấp.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 146-2/2011/HĐTC-KHDN ngày 17/9/2011 giữa bên thế chấp là HTX M.Q với Ngân hàng.

Tài sản là 03 (ba) dây chuyền sản xuất bàn ghế, cửa gỗ, ván sàn công nghiệp và 01 xe nâng nhiều chức năng, thuộc Dự án đầu tư máy móc thiết bị sản xuất bàn ghế, cửa gỗ và ván sàn công nghiệp do HTX M.Q làm chủ đầu tư, được HTX M.Q mua theo hợp đồng kinh tế số 15/2011/HĐKT/TK-MQ ngày 08/08/2011, ký với bên bán là Cty TNHH Thương mại Cơ khí và XD Trung Kiên.

Theo quy định của các Hợp đồng tín dụng và các Giấy nhận nợ, bên vay tiền phải trả nợ gốc khi hết thời hạn vay hoặc đến kỳ hạn trả nợ (03 tháng/lần) đối

với khoản vay trung hạn và trả tiền lãi phát sinh hàng tháng vào ngày 26 của mỗi tháng, lãi quá hạn sẽ được tính bằng 150% lãi trong hạn, tính theo số dư thực tế quá hạn.

Các Hợp đồng tín dụng cũng quy định rõ các trường hợp bên cho vay được quyền chấm dứt việc cho vay và thu nợ trước hạn cả gốc và lãi, trường hợp xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ vay.

Kể từ tháng 09/2012, HTX M.Q bắt đầu vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh theo quy định của các Hợp đồng tín dụng.

Theo các điều khoản đã ký tại các Hợp đồng thế chấp, Ngân hàng đã mời Bên thế chấp là ông Nguyễn Văn M, bà Hoàng Thị H1 và đại diện HTX M.Q lên làm việc và yêu cầu các Bên thế chấp thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay, yêu cầu HTX M.Q thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nhưng bên thế chấp không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay, HTX M.Q cũng không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ trong các hợp đồng tín dụng đã ký.

Số tiền HTX M.Q còn nợ Ngân hàng tính đến hết ngày 16/12/2014 như sau:

- Đối với hợp đồng tín dụng số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012: nợ gốc còn lại: 3.442.010.000đ; lãi trong hạn: 940.627.167đ; lãi quá hạn: 424.287.444đ. Tổng cộng: 4.806.924611đ.

- Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 146-2/2011/HDTD-KHDN ngày 19/09/2011: nợ gốc còn lại: 3.357.785.833đ; nợ lãi trong hạn: 817.351.017đ; lãi quá hạn: 186.660.835đ. Tổng cộng: 4.361.797.685đ.

Tổng cộng, HTX M.Q còn nợ Ngân hàng 9.168.722.296đ, trong đó: nợ gốc 6.799.795.833đ, lãi trong hạn 1.757.978.184đ, lãi quá hạn 601.948.279đ. Ngân hàng đề nghị tiếp tục tính lãi cho đến khi kết thúc xét xử sơ thẩm.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, HTX M.Q đã thanh toán và ngày 05/8/2016 Ngân hàng đã rút một phần yêu cầu khởi kiện như sau:

1/ Ngày 27/07/2015, HTX M.Q trả nợ số tiền 43.000.000đ, Ngân hàng thu vào nợ gốc của khoản vay ngày 15/03/2012 của hợp đồng tín dụng số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012, tài khoản vay số 0787000012578, số tiền vay ban đầu: 1.000.000.000đ, dư nợ gốc còn lại đến ngày 31/10/2014 là 665.510.000đ, dư nợ gốc còn lại đến ngày 05/08/2016 là 622.510.000đ.

2/ Ngày 21/05/2016, trên cơ sở đơn đề nghị giảm, miễn lãi của HTX M.Q, Ngân hàng đồng ý cho HTX M.Q nộp số tiền 4.000.000.000đ để trả nợ, đồng thời miễn toàn bộ nợ lãi tính đến hết ngày 22/05/2016 và cho HTX M.Q rút tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất số 37; 39; 40; 41; 42; 43; 44, tờ bản đồ số 04 - Bản đồ địa chính, địa chỉ các thửa đất: Thôn Ng, xã X.H, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 886158 cấp ngày 30/12/2010; số BD 886159 cấp ngày 20/12/2010; số BD 886160 cấp ngày 20/12/2010; số BD 886161 cấp ngày

20/12/2010; số BD 886162 cấp ngày 20/12/2010; số BD 886163 cấp ngày 20/12/2010; số BD 886164 cấp ngày 20/12/2010 do UBND huyện Nh.Xcấp.

3/ Số tiền 4.000.000.000đ HTX M.Q trả nợ, Ngân hàng thu nợ như sau:

- Thu toàn bộ nợ gốc 3.357.785.833đ của khoản vay ngày 19/09/2011 của hợp đồng tín dụng số 146-2/2011/HDTD-KHDN ngày 19/09/2011, số tiền vay ban đầu: 4.138.000.000đ, dư nợ gốc còn lại đến ngày 31/10/2014 là 3.357.785.833đ, đã thanh toán hết số nợ gốc này.

- Thu nợ gốc số tiền 500.000.000đ của khoản vay ngày 18/06/2012 của hợp đồng tín dụng số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012, tài khoản vay số 0787000015934, số tiền vay ban đầu: 500.000.000đ, dư nợ gốc còn lại đến ngày 31/10/2014 là 500.000.000đ, đã thanh toán hết số nợ này.

- Thu nợ gốc số tiền 142.214.167đ của khoản vay ngày 21/06/2012 của hợp đồng tín dụng số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012, số tiền vay ban đầu: 310.000.000đ, dư nợ gốc còn lại đến ngày 31/10/2014 là 310.000.000đ, dư nợ gốc còn lại đến ngày 05/08/2016 là 167.785.833đ.

Tổng số tiền nợ lãi tính đến hết ngày 22/05/2016 Ngân hàng miễn cho HTX M.Q là 3.595.501.788đ, trong đó: nợ lãi trong hạn là 2.913.239.145đ, lãi quá hạn là 682.262.643đ.

Như vậy, tính đến ngày 27/9/2016, HTX M.Q còn nợ Ngân hàng tổng số tiền: 2.890.592.324đ, trong đó: nợ gốc là 2.756.795.833đ; nợ lãi quá hạn là 133.796.491đ (phát sinh từ ngày 23/05/2016 đến 27/9/2016).

Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết, buộc HTX M.Q thanh toán các khoản nợ gốc còn lại, lãi quá hạn cho Ngân hàng. Trường hợp không trả được nợ, đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 146-1/2010 ngày 24/12/2010 và hợp đồng thế chấp số 146-2/2011 ngày 17/9/2011.

Ngày 26/8/2019, Ngân hàng tiếp tục có đơn xin rút một phần nội dung khởi kiện đối với tài sản thế chấp là 03 dây chuyền sản xuất bàn ghế, cửa gỗ, ván sàn công nghiệp và 01 xe nâng.

Đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án, buộc HTX M.Q phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 25/8/2019 là 4.000.685.086đ và xử lý tài sản thế chấp là Căn hộ chung cư tại địa chỉ Pxyz - ĐN2, khu đô thị Mỹ Đình II, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà (nay là phường MĐ2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội) để thu hồi nợ vay trong trường hợp HTX M.Q không trả được nợ.

II. Theo Bị đơn trình bày: Năm 2011 và 2012, HTX M.Q đã vay vốn của Ngân hàng như sau: năm 2011 vay vốn lưu động cho SXKD là 3 tỷ đồng; năm 2012 vay vốn trung hạn đầu tư máy móc thiết bị phục vụ SXKD là 4,1 tỷ đồng. Được vay theo 02 hợp đồng tín dụng là: Hợp đồng tín dụng số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012, dư nợ gốc còn lại là 3.442.010.000đ; Hợp đồng tín dụng số 146-2/2011/HĐTD-KHDN ngày 19/9/2011, dư nợ gốc còn lại là

3.357.785.833đ. Theo thông báo của Ngân hàng hiện nay tổng dư nợ gốc còn lại của 02 hợp đồng là 6.799.759.833đ.

Để đảm bảo cho các khoản tiền vay theo các hợp đồng tín dụng nêu trên, HTX M.Q đã thế chấp tài sản theo 03 hợp đồng thế chấp như Ngân hàng trình bày là đúng.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, HTX M.Q đã thanh toán và thỏa thuận với Ngân hàng về việc miễn tiền lãi, rút tài sản thế chấp như sau: ngày 27/07/2015, HTX M.Q trả nợ số tiền 43.000.000đ, Ngân hàng thu vào nợ gốc của khoản vay ngày 15/03/2012 của hợp đồng tín dụng số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012, tài khoản vay số 0787000012578, số tiền vay ban đầu: 1.000.000.000đ, dư nợ gốc còn lại đến ngày 31/10/2014 là 665.510.000đ, dư nợ gốc còn lại đến ngày 05/08/2016 là 622.510.000đ. Ngày 21/05/2016, trên cơ sở Đơn đề nghị giảm, miễn lãi của HTX M.Q, Ngân hàng đã đồng ý cho HTX M.Q trả nợ số tiền 4.000.000.000đ, đồng thời miễn toàn bộ nợ lãi tính đến hết ngày 22/05/2016. Cho HTX M.Q rút tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các thửa đất số: 37; 39; 40; 41; 42; 43; 44, tờ bản đồ số 04 - Bản đồ địa chính, địa chỉ các thửa đất: Thôn Ng, xã X.H, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 886158 cấp ngày 30/12/2010; số BD 886159 cấp ngày 20/12/2010; số BD 886160 cấp ngày 20/12/2010; số BD 886161 cấp ngày 20/12/2010; số BD 886162 cấp ngày 20/12/2010; số BD 886163 cấp ngày 20/12/2010; số BD 886164 cấp ngày 20/12/2010 do UBND huyện Nh.Xcấp.

Số tiền 4.000.000.000đ HTX M.Q trả nợ nêu trên, Ngân hàng thu nợ như sau:

- Thu nợ gốc 3.357.785.833đ của khoản vay ngày 19/09/2011 của hợp đồng tín dụng số 146-2/2011/HDTD-KHDN ngày 19/09/2011, số tiền vay ban đầu: 4.138.000.000đ, nợ gốc còn lại đến ngày 31/10/2014 là 3.357.785.833đ, đến ngày 05/08/2016 HTX M.Q không còn nợ tiền của hợp đồng này.

- Thu nợ gốc số tiền 500.000.000đ của khoản vay ngày 18/06/2012 của hợp đồng tín dụng số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012, tài khoản vay số 0787000015934, số tiền vay ban đầu: 500.000.000đ, dư nợ gốc còn lại đến ngày 31/10/2014 là 500.000.000đ, đến ngày 05/08/2016 HTX M.Q không còn nợ tiền vay của khế ước này.

- Thu nợ gốc số tiền 142.214.167 của khoản vay ngày 21/06/2012 của hợp đồng tín dụng số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012, tài khoản vay số 0787000016114, số tiền vay ban đầu: 310.000.000, dư nợ gốc còn lại đến ngày 31/10/2014 là 310.000.000đ, dư nợ gốc còn lại đến ngày 05/08/2016 là 167.785.833đ.

Nay còn nợ tiền gốc là 2.756.795.833đ; Đề nghị ngân hàng cho HTX M.Q được giải chấp tài sản thế chấp là toàn bộ dây chuyền sản xuất bàn ghế theo hợp đồng thế chấp số 146-2/2011 ngày 17/9/2011. Trường hợp HTX M.Q không trả được nợ, đề nghị Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp còn lại.

** Tại biên bản hòa giải ngày 04/10/2019 và bản ghi ý kiến, bản tự khai ngày 05/8/2020, người đại diện theo pháp luật của HTX M.Q trình bày ý kiến bổ sung như sau:*

Ngày 31/10/2014, Ngân hàng khởi kiện HTX M.Q ra Toà án thành phố Thanh Hoá để giải quyết tranh chấp đối với 02 hợp đồng tín dụng số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012 và số 146-2/2011/HĐTD-KHDN ngày 19/09/2011. Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện Ngân hàng và HTX M.Q đã có thoả thuận giải quyết bằng thương lượng, hòa giải với nhau. Theo đó, ngày 21/05/2016, HTX M.Q đã chuyển 4.000.000.000đ (Bốn tỷ đồng) vào tài khoản của HTX tại Ngân hàng - Chi nhánh Thanh Hóa, dùng số tiền 3.357.785.833đ để tất toán khoản vay và thanh lý hợp đồng số 146-2/2011/HĐTD-KHDN ngày 19/09/2011. Số tiền còn lại là 642.214.167đ được dùng để trả một phần nợ gốc cho hợp đồng tín dụng số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012. Ngân hàng đã miễn toàn bộ lãi phát sinh của cả hai hợp đồng đến ngày 21/05/2016 cho HTX M.Q. Số nợ gốc còn lại của hợp đồng tín dụng số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012 là 2.756.795.833đ.

Sau khi tất toán, thanh lý hợp đồng tín dụng số 146-2/2011/HĐTD-KHDN ngày 19/09/2011 và giải chấp các tài sản liên quan đến hợp đồng này, (Ngân hàng đã tẩy xóa, sửa chữa ngày tháng trên giấy chứng nhận QSĐ của ông Nguyễn Văn M để khớp với hợp đồng thế chấp QSD đất theo hợp đồng tín dụng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa cấp sơ thẩm đã phát hiện và không chấp nhận hiệu lực pháp lý của hợp đồng thế chấp số 146-2/2011/HĐTC ngày 5/10/2011 nên đã tạm đình chỉ để hai bên tiếp tục thương lượng). Ngày 05/8/2016 Ngân hàng tiếp tục khởi kiện HTX M.Q để giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012.

Để đảm bảo sự thật khách quan và tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết các tranh chấp dân sự, kinh doanh thương mại, HTX M.Q đề nghị Tòa án xem xét về bản chất, nguồn gốc phát sinh hợp đồng tín dụng số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012, và Toà án cũng có thẩm quyền xem xét những hợp đồng có liên quan và tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012 (viết tắt là HĐ31). HTX M.Q có căn cứ cho rằng: HĐ31 là hợp đồng vô hiệu do giả tạo và vi phạm điều cấm của pháp luật được quy định tại Đ123, Đ124 Bộ Luật dân sự 2015. Bởi vì, hợp đồng này được lập ra nhằm đảo nợ, ép bên vay nhận lại nợ cũ, che dấu, khỏa lấp những vi phạm của hợp đồng 146/2010/HĐTD-KHDN ngày 07/01/2011. Tại thời điểm đó các khoản vay theo hợp đồng tín dụng này đang trong tình trạng nợ xấu, do HTX M.Q thực hiện dự án kinh doanh vay vốn hạn mức theo hợp đồng này bị mất vốn, mất khả năng trả nợ, đây là hậu quả do Ngân hàng vi phạm hợp đồng 146/2010, nên cố ý che đậy, khỏa lấp bằng HĐ31 để trốn tránh trách nhiệm của hợp đồng 146/2010. Vì vậy, để giải quyết tranh chấp HĐ31, HTX M.Q đề nghị Tòa án xem xét các vấn đề liên quan và HĐ 146/2010/HĐTD-KHDN ngày 07/01/2011.

Đầu năm 2011, lãnh đạo hai doanh nghiệp là HTX M.Q và Ngân hàng đã gặp nhau bàn bạc. Theo đó, HTX M.Q trình Ngân hàng phương án kinh doanh

năm 2011 để Ngân hàng đầu tư tín dụng và cho vay hạn mức 5 tỷ đồng đối với phương án sản xuất gỗ dán dùng để bán trong nước và xuất khẩu. Ngày 07/01/2011, hai bên đã tiến hành ký hợp đồng tín dụng số 146/2010/HĐTD-KHDN, hạn mức cho vay 5 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích sử dụng: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động SXKD, lãi suất tại thời điểm cho vay là 16,2%.

Sau khi Ngân hàng nhận cầm cố các tài sản là nhà xưởng của HTX M.Q, ngày 24/12/2010 hai bên ký hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo của bên thứ ba là căn hộ chung cư. Ngày 07/01/2011, Ngân hàng và HTX M.Q ký hợp đồng tín dụng số 146/2010/HĐTD-KHDN. Sau khi ký hợp đồng, HTX M.Q đã đầu tư tài chính của mình, đồng thời rút vốn vay của Ngân hàng theo tiến độ để tiến hành phương án sản xuất kinh doanh. Khi HTX rút vốn vay đến 3 tỷ đồng thì Ngân hàng ngừng việc cấp vốn và không nói rõ lý do, nhưng qua tìm hiểu và phát ngôn không chính thức của cán bộ ngân hàng thì nguyên nhân là Ngân hàng đang mất cân đối giữa huy động vốn và cho vay ra. HTX M.Q đã nhiều lần yêu cầu trực tiếp tại trụ sở Ngân hàng và đã gửi công văn số 21/2011/CV ngày 01/4/2011 để yêu cầu Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ của mình, nhưng Ngân hàng vẫn không thực hiện.

Việc Ngân hàng vi phạm nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 7 khoản 7 tiểu mục 7.2.2 Hợp đồng tín dụng số 146/2010/HĐTD-KHDN ngày 07/01/2011 đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất của HTX M.Q. Do HTX M.Q không rút được tiền vay để hoàn thiện đơn hàng nên không có hàng hóa để giao cho khách hàng theo hợp đồng đã ký, dẫn đến việc khách hàng phạt vi phạm và đòi bồi thường thiệt hại. Toàn bộ hàng hóa sản xuất dở dang không sử dụng được, để lâu mối mọt, ô nhiễm môi trường nên HTX phải bán thanh lý cho nhân dân làm chất đốt.

HTX M.Q nghị Tòa án buộc Ngân hàng phải bồi thường cho HTX số tiền 11.929.425.400đ là thiệt hại cụ thể đã đo đếm được. Các thiệt hại nêu trên của HTX M.Q là do lỗi hoàn toàn từ phía Ngân hàng. Ngân hàng là bên biết và buộc phải biết về hậu quả xảy ra nếu Ngân hàng vi phạm hợp đồng; ngoài việc buộc phải biết về nghĩa vụ cấp đủ tiền cho bên vay, Ngân hàng đã được HTX M.Q đề nghị, nhắc nhở nhiều lần, trong đó có cả việc nhắc nhở trách nhiệm liên quan đến quyền lợi của bên thứ 3 là bên thế chấp tài sản để đảm bảo cho hợp đồng vay. Bên vay là HTX M.Q hoàn toàn không có lỗi trong việc này. Với số tiền HTX M.Q yêu cầu Ngân hàng phải bồi thường thiệt hại nêu trên, đề nghị Tòa án dùng một phần để đối trừ cho nghĩa vụ trả nợ của HTX M.Q theo HĐ tín dụng số 31/2012/HĐTD KHDN ngày 31/1/2012, vì đây bản chất là khoản vay từ HĐ 146/2010/HĐTD-KHDN ngày 07/01/2011 chuyển sang.

III. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Bà Hoàng Thị H1: Ngày 24/12/2010 bà và ông Nguyễn Văn M ký hợp đồng thế chấp căn hộ chung cư Pxyz - ĐN 2, khu đô thị MĐ2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa, do ông Chu Đình Bình làm đại diện để bảo đảm cho các hợp

đồng tín dụng ký giữa HTX M.Q với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa trong thời hạn 05 năm. Trước khi ký hợp đồng thế chấp, bà được Ngân hàng cho biết là hợp đồng vay chỉ có thời hạn 12 tháng và chỉ để dự phòng trong trường hợp số tiền vay vượt quá mức bảo đảm bằng tài sản đã cấm cố của HTX M.Q. Do quá tin tưởng và sơ xuất trong lúc ký hợp đồng thế chấp mà phía Ngân hàng đã soạn sẵn, bà không để ý đến việc sẽ bảo đảm cho tất cả các hợp đồng tín dụng được ký trong thời hạn 05 năm giữa Ngân hàng và HTX M.Q và đây không phải là thỏa thuận ban đầu giữa bà với Ngân hàng. Việc bảo đảm trong thời hạn 05 năm là nằm ngoài khả năng, ý muốn của bà.

Mặc dù thời hạn bảo đảm đã được Ngân hàng cố tình đưa vào là 05 năm đối với các nghĩa vụ phát sinh của HTX M.Q nhưng bà có quyền thỏa thuận cụ thể về phạm vi nghĩa vụ bảo đảo theo quy định tại khoản 1 Điều 294 Bộ luật dân sự 2015. Việc ngân hàng là một bên chủ thể hợp đồng đã không thỏa thuận cụ thể bằng văn bản với bà về phạm vi nghĩa vụ mà bà phải bảo đảm là vi phạm nghiêm trọng quyền của bên thế chấp. Kể từ khi ký kết hợp đồng đến nay bà không nhận được bất kỳ thông báo nào của phía Ngân hàng hay HTX M.Q về việc đã vay theo hợp đồng tín dụng nào, số tiền vay là bao nhiêu.

Quá trình giải quyết vụ án, bà còn phát hiện ra việc sau khi HTX M.Q lâm vào nợ xấu, Ngân hàng đã thông đồng với HTX M.Q đảo nợ trái phép, nhằm kéo dài thời gian trả nợ cho HTX M.Q mà không tiến hành các biện pháp thu hồi nợ. Nếu Ngân hàng thực hiện ngay các quy định về giải quyết vi phạm hợp đồng tín dụng thì dừng ngay việc HTX M.Q mất khả năng trả nợ và Ngân hàng thu nợ xấu từ tài sản cầm cố của HTX M.Q, chưa ảnh hưởng đến tài sản bảo đảm của bên thứ ba.

Do đó, bà H1 đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng và yêu cầu Ngân hàng phải xóa thế chấp, trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng căn hộ chung cư Pxyz - ĐN 2, khu đô thị MĐ2, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội cho bà vì đã quá thời hạn thế chấp 05 năm, kể từ năm 2010.

Bà Hoàng Thị H1 vẫn giữ nguyên nội dung ủy quyền cho ông Phan Viết L theo giấy ủy quyền ngày 28/02/2017.

* Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị H1 thống nhất với ý kiến trình bày của bà H1 và đề nghị xem xét giải quyết do HĐ thế chấp tài sản là căn hộ chung cư không có hiệu lực pháp luật.

*** Quá trình giải quyết vụ án, lần xét xử thứ nhất:** Tại Bản án KDTM sơ thẩm số 25/2016/KDTM-ST ngày 27/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã quyết định:

Buộc HTX M.Q phải trả cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam số tiền vay còn nợ tính đến ngày 27/9/2016 là 2.890.592.324đồng, trong đó: nợ gốc: 2.756.795.833đ; nợ lãi quá hạn: 133.796.491đ.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu HTX M.Q không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan

Thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp, bao gồm:

+ Hợp đồng thế chấp căn hộ chung cư của bên thứ ba số 146-1/2010/HĐTC-KHDN ngày 24/12/2010 giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Văn M, và bà Hoàng Thị H1, bên nhận thế chấp là Ngân hàng.

Tài sản thế chấp là quyền sở hữu căn hộ chung cư tại địa chỉ Pxyz - ĐN2, khu đô thị M.Đ 2, xã M.Đ, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 903125 do UBND huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội cấp ngày 30/03/2006 cho Ông T.V.P; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H0967, số QĐ: 529/QĐ - UB. Đã làm thủ tục bán toàn bộ căn hộ chung cư Pxyz - ĐN2, khu ĐTM Mỹ Đình II, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là P981-CT1A, ĐN 2, khu đô thị Mỹ Đình II, phường MĐ2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội), diện tích nhà ở sử dụng riêng 143,4 m^2 (tầng 9 nhà 15 tầng), diện tích đất ở sử dụng chung 1160 m^2 cho Ông Nguyễn Văn M - sinh năm 1972 và Bà Hoàng Thị H1 - sinh năm 1973.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 146-2/2011/HĐTC-KHDN ngày 17/9/2011 giữa bên thế chấp là HTX M.Q, bên nhận thế chấp là Ngân hàng.

Tài sản thế chấp là 03 (ba) dây chuyền sản xuất bàn ghế, cửa gỗ, ván sàn công nghiệp và 01 xe nâng nhiều chức năng thuộc Dự án đầu tư máy móc thiết bị sản xuất bàn ghế, của gỗ và ván sàn công nghiệp do HTX M.Q làm chủ đầu tư, được HTX M.Q mua theo hợp đồng kinh tế số 15/2011/HĐKT/TK-MQ ngày 08/08/2011, ký với bên bán là Công ty TNHH Thương mại Cơ khí và XD Trung Kiên.

Bên phải thi hành án còn phải tiếp tục trả tiền lãi kể từ ngày 28/9/2016 đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán xong tiền nợ gốc theo mức lãi xuất 13,65%/năm.

- Tại bản án KDTM phúc thẩm số 01/2018/KDTM-PT ngày 08/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã xử: Hủy bản án KDTM sơ thẩm số 25/2016/KDTM-ST ngày 27/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa do vi phạm tố tụng trong việc tống đạt giấy tờ đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

*** Lần xét xử thứ hai:** Tại bản án KDTM sơ thẩm số 01 ngày 23/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã xử:

Buộc Hợp tác xã M.Q phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam tổng số tiền còn nợ tính đến ngày ngày xét xử sơ thẩm 23/12/2019 là 4.126.119.320đ (Bốn tỷ, một trăm hai mươi sáu triệu, một trăm mười chín nghìn, ba trăm hai mươi đồng), trong đó: nợ gốc 2.756.795.833đ (Hai tỷ, bảy trăm năm mươi sáu triệu, bảy trăm chín mươi lăm nghìn, tám trăm ba mươi ba đồng); nợ lãi: 1.369.323.487đ (Một tỷ, ba trăm sáu mươi chín triệu, ba trăm hai mươi ba ngàn, bốn trăm tám mươi bảy đồng)**.**

Kể từ ngày 24/12/2019 Hợp tác xã M.Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hạn mức số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012 được ký kết giữa các bên cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Kể từ ngày án có HLPL, nếu Hợp tác xã M.Q vẫn không thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam có quyền yêu cầu Chi cục THADS Thành phố Thanh Hóa kê biên tài sản thi hành, cụ thể: Tài sản là quyền sở hữu căn hộ chung cư, diện tích nhà ở sử dụng riêng 143,4m^2 (tầng 9 nhà 15 tầng), diện tích đất ở sử dụng chung 1160m^2, tại địa chỉ Pxyz - ĐN2, khu đô thị Mỹ Đình II, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là phường MĐ2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 903125 do UBND huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội cấp ngày 30/03/2006 cho ông T.V.P. Ngày 04/12/2006 Văn phòng đăng ký đất và nhà huyện Từ Liêm đã đăng ký biến động sang tên cho ông Nguyễn Văn M và bà Hoàng Thị H1 theo hợp đồng mua bán căn hộ số 966.2006/MBN, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD được phòng công chứng số 4 thành phố Hà Nội chứng nhận ngày 07/11/2006, để đảm bảo việc thu hồi nợ cho Ngân hàng (theo hợp đồng thế chấp số 146 - 1/2010/HĐTC- KHDN ngày 24/12/2010).

- Tại bản án KDTM phúc thẩm số 07 ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã xử: Hủy bản án KDTM sơ thẩm số 01 ngày 23/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa do vi phạm tố tụng về thành phần những người tiến hành tố tụng.

* Ngày 08/6/2020, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý lại vụ án.

*** Bản án KDTM sơ thẩm số 09/2020/KDTM-ST ngày 09/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã quyết định:**

Căn cứ: khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 40; khoản 2 Điều 244; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

1/ Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam không yêu cầu HTX M.Q trả nợ đối với số tiền nợ gốc 4.043.000.000đ (Bốn tỷ, không trăm bốn mươi ba triệu đồng); miễn toàn bộ nợ lãi tính đến ngày 22/5/2016 là 3.595.501.788đ (Ba tỷ, năm trăm chín mươi lăm triệu, năm trăm lẻ một nghìn, bảy trăm tám mươi tám đồng), trong đó lãi cộng

dồn: 2.913.239.145đ, lãi quá hạn 682.262.643đ và toàn bộ tài sản thế chấp là QSD đất, tài sản gắn liền trên đất (07 giấy CNQSD đất) theo hợp đồng thế chấp số 146-2/2011 ngày 05/10/2011.

Đình chỉ xét xử đối với tài sản thế chấp là 03 (ba) dây chuyền sản xuất bàn ghế, cửa gỗ, ván sàn công nghiệp và 01 xe nâng nhiều chức năng thuộc Dự án đầu tư máy móc thiết bị sản xuất bàn ghế, của gỗ và ván sàn công nghiệp do HTX M.Q làm chủ đầu tư, được HTX M.Q mua theo hợp đồng kinh tế số 15/2011/HĐKT/TK-MQ ngày 08/08/2011, ký với bên bán là Công ty TNHH Thương mại Cơ khí và XD Trung Kiên theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 146-2/2011/HĐTC-KHDN ngày 17/9/2011.

2/ Buộc Hợp tác xã M.Q phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tổng số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 08/9/2020 là 4.319.745.916đ (Bốn tỷ, ba trăm mười chín triệu, bảy trăm bốn lăm nghìn, chín trăm mười sáu đồng), trong đó: nợ gốc: 2.756.795.833đ (Hai tỷ, bảy trăm năm sáu triệu, bảy trăm chín lăm nghìn, tám trăm ba ba đồng), nợ lãi: 1.562.950.083đ (Một tỷ, năm trăm sáu hai triệu, chín trăm năm mươi nghìn, không trăm tám ba đồng).

Kể từ ngày 09/9/2020 Hợp tác xã M.Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuân trong Hợp đồng tín dụng hạn mức số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012 được ký kết giữa các bên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Hợp tác xã M.Q không trả được khoản nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định pháp luật. Cụ thể: là quyền sở hữu căn hộ chung cư, diện tích nhà ở sử dụng riêng 143,4m^2 (tầng 9 nhà 15 tầng), diện tích đất ở sử dụng chung 1160m^2 tại địa chỉ Pxyz - ĐN2, khu đô thị M.Đ 2, xã M.Đ, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là Phường MĐ2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 903125 do UBND huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội cấp ngày 30/03/2006 cho ông T.V.P. Ngày 04/12/2006 Văn phòng đăng ký đất và nhà huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã đăng ký biến động sang tên cho ông Nguyễn Văn M và bà Hoàng Thị H1 theo hợp đồng mua bán căn hộ số 966.2006/MBN, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD được phòng công chứng số 4 thành phố Hà Nội chứng nhận ngày 07/11/2006, theo hợp đồng thế chấp căn hộ chung cư của bên thứ ba số 146 -1/2010/HĐTC- KHDN ngày 24/12/2010.

Về án phí: - Hợp tác xã M.Q phải nộp 112.319.000đ (Một trăm mười hai triệu, ba trăm mười chín nghìn đồng - làm tròn số) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 58.508.330đ (Năm mươi tám triệu, năm trăm lẻ tám nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2014/0003003 ngày 01/12/2014 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

- Án sơ thẩm còn quyết định nghĩa vụ thi hành án, về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự:

*** Sau khi xét xử, các đương sự kháng kháng cáo như sau:**

1. Ngày 17/9/2020, HTX M.Q (Bị đơn) kháng cáo với lý do là Hội đồng xét xử sơ thẩm đã vi phạm tố tụng gồm; Vi phạm thẩm quyền xét xử theo lãnh thổ; Vi phạm thủ tục giải quyết vụ án liên quan đến Hợp tác xã; Vi phạm nguyên tắc cơ bản của Bộ luật tố tụng dân sự khi giải quyết vụ án. Do đó đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo đúng thẩm quyền và thủ tục tố tụng.

2. Ngày 02/10/2020 Bà Hoàng Thị H1 (Người có QLNVLQ) kháng cáo với nội dung: Đề nghị xem xét hành vi vi phạm pháp luật của Ngân hàng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà; Đề nghị cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng đối với bên thứ 3 và lập tức xóa thế chấp trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng căn hộ cho gia đình bà.

*** Tại phiên toà phúc thẩm:**

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện; Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên kháng cáo. Các bên không có thỏa thuận được nội dung nào đang tranh chấp và đề nghị xét xử theo quy định của PL.

1. Quan điểm trình bày và tranh luận của Nguyên đơn;

HTX M.Q phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 08/9/2020 là 4.319.745.916đ, trong đó: nợ gốc 2.756.795.833đ, nợ lãi 1.562.950.083đ và số tiền lãi tiếp tục phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi HTX M.Q trả hết nợ.

Nhưng hiện nay HTX M.Q đang trong quá trình xem xét thủ tục giải thể theo Quyết định của Chủ tịch UBND huyện Nh.X nhưng khoản nợ chưa được trả cho Ngân hàng theo HĐTD đã ký. Vì vậy nếu HTX M.Q không trả được nợ cho Ngân hàng thì đề nghị: Phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp căn hộ chung cư của bên thứ ba số 146-1/2010/HĐTC-KHDN ngày 24/12/2010, tài sản là căn hộ chung cư thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn M và vợ là bà Hoàng Thị H1, tại địa chỉ..., khu đô thị M.Đ, xã M.Đ, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AĐ 903125 do UBND huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội cấp ngày 30/3/2006; số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H0967, số QĐ: 529/QĐ-UB (nay là Pxyz - ĐN 2, khu đô thị M.Đ, phường M.Đ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội) để thu hồi nợ.

2. Quan điểm tranh luận của HTX M.Q (Bị đơn có kháng cáo):

+ Cấp sơ thẩm đã có nhiều vi phạm về thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, HTX M.Q đã có nhiều kiến nghị nhưng không được cấp sơ thẩm xem xét, chấp nhận.

+ Năm 2009 HTX M.Q được thành lập với 07 thành viên, đến tháng 8/2016 HTX phải bán nhà máy chế biến gỗ M.Q để trả nợ cho Ngân hàng, do không còn công ăn việc làm nên HTX tạm ngừng hoạt động.

+ Hiện nay, HTX M.Q đã có Quyết định giải thể bắt buộc số 56/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 của Chủ tịch UBND huyện Nh.X và đang được Hội đồng giải thể xem xét giải quyết, xử lý các quyền lợi cho người lao động, của HTX và các chủ nợ trong đó có Ngân hàng.

Vì vậy, đề nghị Hủy bản án và đình chỉ xét xử đối với vụ án.

3. Quan điểm tranh luận của ông Nguyễn Văn M (Người có QLNVLQ và đại diện cho bà Hoàng Thị H1):

Đối với tài sản bảo đảm là căn hộ chung cư tại địa chỉ..., khu đô thị M.Đ II, xã M.Đ, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là..., khu đô thị M.Đ II, phường M.Đ II, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội) của bên thứ 3 là ông M bà H1, đề nghị Tòa án yêu cầu Ngân hàng xóa thế chấp và trả lại giấy tờ cho bên thứ 3, với các lý do:

- Do Ngân hàng vi phạm hợp đồng, không cấp đủ vốn vay tại Hợp đồng tín dụng số 146/2010/HĐTD-KHDN ngày 07/01/2011, nên phạm vi bảo đảm chưa cần sử dụng đến tài sản của bên thứ 3 (Tài sản cầm cố của HTX M.Q lúc đó là 4.289.000.000đ, tài sản bảo lãnh của bên thứ 3 là 4.302.000.000đ mà Ngân hàng mới thực hiện giải ngân 3 tỷ). Mặt khác, hợp đồng thế chấp của bên thứ 3 cũng không nói rõ cụ thể sẽ bảo đảm cho hợp đồng tín dụng nào, số tiền cụ thể là bao nhiêu.

- Nghĩa vụ bảo đảm của bên thứ 3 trong hợp đồng thế chấp thuộc loại bảo đảm cho các nghĩa vụ trong tương lai. Thời điểm ký hợp đồng thế chấp giữa bên thứ 3 với Ngân hàng là ngày 24/12/2010, tại thời điểm này HTX M.Q và Ngân hàng chưa phát sinh hợp đồng tín dụng nào và khoản vay nào, đến ngày 07/01/2011 hai bên mới phát sinh hợp đồng tín dụng.

Như vậy, việc ngân hàng là một bên chủ thể của hợp đồng thế chấp nhưng không thông báo cho bên thế chấp biết cụ thể về phạm vi nghĩa vụ được bảo đảm đối với nghĩa vụ phát sinh trong tương lai, không có biên bản thỏa thuận cụ thể với bên thế chấp về phạm vi nghĩa vụ được đảm bảo là vi phạm nghiêm trọng quyền của bên thế chấp. Điều này cũng khẳng định hợp đồng thế chấp số 146-1/2010/HĐTC-KHDN ngày 24/12/2010 không có nghĩa vụ phải bảo đảm cho các HĐTD đã phát sinh giữa HTX M.Q và Ngân hàng. Vì bên thứ 3 không biết cụ thể phải bảo đảm cho hợp đồng nào, số tiền cụ thể là bao nhiêu. Các lần giải ngân theo HĐTD số 146/2010, Ngân hàng chỉ thông báo cho đại diện HTX M.Q vì cho rằng chưa sử dụng đến tài sản thế chấp là căn hộ chung cư của bên thứ ba.

Do hành vi vi phạm trong quá trình ký kết và thực hiện các HĐTD và HĐTC tài sản của phía Ngân hàng đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông, bà. Đề nghị cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng đối với bên thứ 3 và xóa thế chấp trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng căn hộ cho ông Nguyễn Văn M và bà Hoàng Thị H1.

4. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá:

- Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Xét các nội dung kháng cáo:

+ Kháng cáo của HTX M.Q (bị đơn) và bà Hoàng Thị H1 (người có QLNVLQ) làm trong thời hạn luật định, tại phiên tòa người kháng cáo vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Bà Hoàng Thị H1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 03 nhưng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã ủy quyền cho ông Nguyễn Văn M (là chồng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) tham gia tố tụng, không đối lập về lợi ích, ông M đã đồng ý nên được chấp nhận là hợp lệ để xử vắng mặt.

+ Về nội kháng cáo của HTX M.Q và bà Hoàng Thị H1: Xét thấy cấp sơ thẩm đã thụ lý và xét xử vụ án là phù hợp với thỏa thuận của các bên và phù hợp với quy định của pháp luật, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên đương sự nên kháng cáo của đương sự là không có cơ sở.

+ Về nội dung : Cấp sơ thẩm đã buộc HTX M.Q phải trả số tiền còn nợ tính đến ngày 08/9/2020 theo HDTD đã ký, số tiền nợ các bên đã thống nhất về số liệu không có thăc mắc gì nên được chấp nhận là có căn cứ.

+ Đối với HĐ thế chấp tài sản số 146-1/2010/HĐTC-KHDN ngày 24/12/2010 giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Văn M và bà Hoàng Thị H1 với Ngân hàng đảm bảo cho HĐTD số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012. Căn cứ vào các thỏa thuận đã ký trong HĐTC giữa hai bên thì nếu HTX M.Q không trả được nợ cho Ngân hàng thì bị kê biên phát mại tài sản đảm bảo cho khoản tiền vay của HĐTD là đúng theo quy định của pháp luật và thỏa thuận của các bên trong hợp đồng.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của HTX M.Q và bà Hoàng Thị H1. Giữ nguyên quyết định của Bản án KDTM sơ thẩm số 09/2020/KDTM-ST ngày 09/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa. Án phí phúc thẩm: HTX M.Q và bà Hoàng Thị H1 phải chịu án phí KDTM phúc thẩm theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến, tranh luận của các đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà Nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (viết tắt là Ngân hàng) vẫn giữ nguyên yêu cầu

khởi kiện và yêu cầu xử lý các tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp (viết tắt là HĐTC) để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng (viết tắt là HĐTD) của Hợp tác xã M.Q (viết tắt là HTX M.Q); Đại diện HTX M.Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên kháng cáo. Các bên đương sự không có thỏa thuận, hòa giải được nội dung nào đang tranh chấp và đề nghị xét xử theo quy định.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của HTX M.Q.

2.1. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo biên bản làm việc giữa Ngân hàng và HTX M.Q ngày 27/9/2014, hai bên đã thống nhất chốt số nợ, phương án trả nợ và có thỏa thuận: Trường hợp nếu phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Như vậy, việc các bên tự nguyện thỏa thuận và ghi vào biên bản là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Do đó Ngân hàng khởi kiện đến Tòa án nhân Thành phố Thanh Hóa và đã được thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và xét xử tại Tòa án nhân dân huyện Nh.Xhoặc tại Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa không ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên và khi có kháng cáo thì do Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý giải quyết phúc thẩm nên không ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên đương sự. Do đó, kháng cáo về nội dung này không được chấp nhận.

2.2. Tại giai đoạn phúc thẩm, Hợp tác xã M.Q đã có Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 của Chủ tịch UBND huyện Nh.X, tỉnh Thanh Hóa về việc "Giải thể bắt buộc" và Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 thành lập Hội đồng giải thể để xem xét giải quyết các quyền lợi và nghĩa vụ khi bị giải thể. Ngày 22/01/2021 Tòa án nhân dân huyện Nh.X đã ra Quyết định "Không mở thủ tục phá sản" đối với HTX M.Q.

Như vậy HTX M.Q (là bị đơn) hiện nay đang trong quá trình xem xét các quyền lợi và nghĩa vụ khi bị giải thể, chưa chấm dứt mọi quyền và nghĩa vụ trước khi bị giải thể chính thức theo Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của Chủ tịch UBND huyện Nh.X, tỉnh Thanh Hóa.

Tại giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng giải thể theo Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của Chủ tịch UBND huyện Nh.X vẫn đang trong quá trình hoạt động và ông Nguyễn Văn M nguyên là Chủ nhiệm vẫn là người đại diện cho HTX M.Q. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Hội đồng xét xử buộc HTX M.Q phải trả nợ cho Ngân hàng để Ngân hàng có căn cứ yêu cầu Hội đồng giải thể HTX M.Q của UBND huyện Nh.X xem xét, giải quyết về khoản nợ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam trong quá trình tiến hành các thủ tục giải thể HTX M.Q theo quy định của pháp luật.

2.3. Xét khoản nợ HTX M.Q: Ngân hàng yêu cầu HTX M.Q phải thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng (HĐTD) số 31/2012 ngày 31/01/2012.

Xét thấy, Hợp đồng tín dụng số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012 được các bên ký kết theo đúng quy định của pháp luật, nội dung các điều khoản cam kết trong hợp đồng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các bên được pháp

luật cho phép. Ngân hàng ký kết hợp đồng xuất phát từ nhu cầu xin cấp tín dụng hạn mức theo Công văn số 15/2012 ngày 20/01/2012 của HTX M.Q. Căn cứ vào các khoản giải ngân của HĐTD số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012 không có khoản nào trùng với số tiền và thời gian trả nợ của HĐTD số 146/2010 ngày 07/01/2011. Quá trình giải ngân của HĐTD số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012 thì các lần giải ngân đều do HTX M.Q nhận nợ bằng tiền mặt, Ngân hàng không tự thu hồi nợ để trả cho các khoản vay của HĐTD số 146/2010 ngày 07/01/2011. Khi các bên ký HĐTD số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012 thì HĐTD số 146/2010 ngày 07/01/2011 vẫn đang còn hiệu lực. Vì vậy HĐTD số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012 không phải là hợp đồng thay thế HĐTD số 146/2010 ngày 07/01/2011 và không phải là hợp đồng đảo nợ như ý kiến trình bày của đại diện theo pháp luật của HTX M.Q.

Theo hồ sơ thì Hợp đồng tín dụng số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012 đã được Ngân hàng cho HTX M.Q vay và đã ký nhận tiền gồm 13 lần để thanh toán tiền mua gỗ, tiền lương, cước vận chuyển, được thể hiện tại các giấy nhận nợ như sau:

+ Ngày 31/01/2012 HTX M.Q nhận nợ số tiền 700.000.000đ, ngày đến hạn: 31/07/2012. Toàn bộ gốc và lãi của khoản vay này đã được tất toán ngày 19/6/2012.

+ Ngày 31/01/2012 nhận nợ số tiền 600.000.000đ, ngày đến hạn: 31/07/2012. Toàn bộ gốc và lãi của khoản vay này đã được tất toán ngày 21/6/2012.

+ Ngày 02/02/2012 nhận nợ số tiền 300.000.000đ, ngày đến hạn: 02/08/2012. Toàn bộ gốc và lãi của khoản vay này đã được tất toán ngày 12/11/2012.

+ Ngày 21/02/2012 nhận nợ số tiền 100.000.000đ, ngày đến hạn: 21/08/2012. Toàn bộ gốc và lãi của khoản vay này đã được tất toán ngày 12/11/2012.

+ Ngày 08/03/2012 nhận nợ số tiền 300.000.000đ, ngày đến hạn: 08/09/2012. Toàn bộ gốc và lãi của khoản vay này đã được tất toán ngày 12/11/2012.

+ Ngày 15/03/2012 nhận nợ số tiền 1.000.000.000đ, ngày đến hạn: 15/09/2012. HTX M.Q đã thực hiện thanh toán tiền gốc 377.490.000đ, Ngân hàng đã miễn/giảm nợ lãi tồn đọng đến ngày 26/05/2016 là 403.895.253đ.

Dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán đến thời điểm hiện tại là 622.510.000đ. Nợ lãi chưa thanh toán tạm tính đến ngày 28/11/2019 là 303.068.994đ.

+ Ngày 18/06/2012 nhận nợ số tiền 500.000.000đ, ngày đến hạn: 18/12/2012. Toàn bộ số nợ gốc của khoản vay này đã được tất toán ngày 21/05/2016, nợ lãi tồn đọng còn lại được miễn/giảm vào ngày 26/05/2016.

+ Ngày 20/06/2012 nhận nợ số tiền 490.000.000đ, ngày đến hạn 20/12/2012. Ngày 26/05/2016, Ngân hàng miễn nợ lãi tồn đọng đối với khoản vay này là 297.323.834đ. Dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán đến thời điểm hiện tại là

490.000.000đ, nợ lãi chưa thanh toán tạm tính đến ngày 28/11/2019 là 238.556.501đ.

+ Ngày 21/06/2012 nhận nợ số tiền 310.000.000đ, ngày đến hạn: 21/12/2012. Ngày 21/05/2016, HTX M.Q thanh toán nợ gốc 142.214.167đ. Ngày 26/05/2016 Ngân hàng miễn, giảm nợ lãi tồn đọng 187.892.277đ. Dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán đến thời điểm hiện tại là 167.785.833đ. Nợ lãi chưa thanh toán tạm tính đến ngày 28/11/2019 là 81.686.534đ.

+ Ngày 02/11/2012 nhận nợ số tiền 500.000.000đ, ngày đến hạn: 02/05/2013. Ngày 26/05/2016 Ngân hàng miễn, giảm nợ lãi tồn đọng 289.051.389đ. Dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán đến thời điểm hiện tại là 500.000.000đ. Nợ lãi chưa thanh toán tạm tính đến ngày 28/11/2019 là 243.424.999đ.

+ Ngày 05/11/2012 nhận nợ số tiền 94.000.000đ, ngày đến hạn: 05/05/2013. Ngày 26/05/2016 Ngân hàng miễn, giảm nợ lãi tồn đọng 54.273.772đ. Dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán đến thời điểm hiện tại là 94.000.000đ. Nợ lãi chưa thanh toán tạm tính đến ngày 28/11/2019 là 45.763.901đ.

+ Ngày 14/11/2012 nhận nợ số tiền 470.000.000đ, ngày đến hạn: 14/04/2013. Ngày 26/05/2016 Ngân hàng miễn, giảm nợ lãi tồn đọng 273.150.944đ. Dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán đến thời điểm hiện tại là 470.000.000đ. Nợ lãi chưa thanh toán tạm tính đến ngày 28/11/2019 là 228.819.499đ.

+ Ngày 26/12/2012 nhận nợ số tiền 700.000.000đ, ngày đến hạn: 26/06/2013. Ngày 26/05/2016 Ngân hàng miễn, giảm nợ lãi tồn đọng 274.912.534đ. Dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán đến thời điểm hiện tại là 412.500.000đ. Nợ lãi chưa thanh toán tạm tính đến ngày 28/11/2019 là 200.825.626đ.

Tính đến ngày 08/9/2020 (trước ngày xét xử sơ thẩm) HTX M.Q còn nợ Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012, với tổng số tiền **4.319.745.916**đ, trong đó: nợ gốc: 2.756.795.833đ, nợ lãi: 1.562.950.083đ.

Tại biên bản làm việc ngày 12/7/2013, HTX M.Q đề nghị: Do hoạt động kinh doanh của HTX hiện rất khó khăn, tình hình thị trường không thuận lợi nên việc xuất hàng gặp trở ngại nên HTX không còn khả năng tài chính để thanh toán nợ cho Ngân hàng nên đề nghị Ngân hàng giảm bớt một phần nợ lãi cho HTX M.Q.

Tại biên bản làm việc ngày 03/11/2013, HTX M.Q đề nghị Ngân hàng giảm bớt một phần nợ lãi và lãi phạt của Hợp đồng tín dụng số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012 để HTX có thể giảm bớt khó khăn, từ đó tiếp tục sản xuất kinh doanh và thực hiện trả các khoản nợ còn lại cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 20/10/2021, ông Nguyên Văn M (Chủ nhiệm HTX) công nhận khoản nợ theo HDTĐ số 1/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012 của HTX M.Q đến nay là đúng, không thắc mắc tranh chấp gì và HTX M.Q phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Do đó buộc HTX M.Q phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012, tính đến ngày 08/9/2020 với tổng số tiền **4.319.745.916** đ (Bốn tỷ, ba trăm mười chín triệu, bảy trăm bốn lăm nghìn, chín trăm mười sáu đồng), trong đó: Nợ gốc: 2.756.795.833đ (Hai tỷ, bảy trăm năm sáu triệu, bảy trăm chín lăm nghìn, tám trăm ba ba đồng), nợ lãi: 1.562.950.083đ (Một tỷ, năm trăm sáu hai triệu, chín trăm năm mươi nghìn, không trăm tám ba đồng).

Hiện nay, HTX M.Q đã có Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 của Chủ tịch UBND huyện Nh.X, tỉnh Thanh Hóa về việc "Giải thể bắt buộc" và Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 thành lập "Hội đồng giải thể bát buộc" để tiến hành xem xét giải quyết các quyền lợi và nghĩa vụ khi bị giải thể. Vì vậy, khoản nợ trên của HTX M.Q đối với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam đề nghị Hội đồng giải thể bắt buộc đối với HTX M.Q đưa vào các khoản phải trả của HTX M.Q theo đúng quy định của pháp luật về giải thể, phá sản HTX.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của bà Hoàng Thị H1.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam buộc bên thế chấp tài sản là ông Nguyễn Văn M và bà Hoàng Thị H1 phải có nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng thế chấp số 146-1/2010/HĐTC-KHDN ngày 24/12/2010 đã ký về nghĩa vụ của HTX M.Q đối với Hợp đồng tín dụng số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012

Xét thấy, Hợp đồng thế chấp (HĐTC) tài sản của bên thứ ba số 146-1/2010/HĐTC-KHDN ngày 24/12/2010 được các bên ký kết tại Trụ sở văn phòng Công chứng Nghĩa Tú - Thành phố Hà Nội, địa chỉ: số 90A Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Theo Hợp đồng thì ông Nguyễn Văn M và bà Hoàng Thị H1 đã dùng tài sản hợp pháp của mình thế chấp cho Ngân hàng để bảo đảm cho HTX M.Q vay vốn. Tại mục 1.2 Điều 1 của Hợp đồng thế chấp quy định về nghĩa vụ được bảo đảm như sau: "Bên thế chấp đồng ý thế chấp và Ngân hàng đồng ý nhận thế chấp tài sản thế chấp để đảm bảo cho các nghĩa vụ thanh toán của khách hàng (HTX M.Q) cho Ngân hàng đối với tất cả các hợp đồng tín dụng sẽ được ký kết giữa khách hàng (HTX M.Q) với Ngân hàng trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày ký Hợp đồng này".

Như vậy, Hợp đồng thế chấp căn hộ chung cư của bên thứ 3 số 146-1/2010/HĐTC-KHDN được ký kết ngày 24/12/2010, trong khi Hợp đồng tín dụng hạn mức số 31/2012/HĐTD-KHDN ký giữa Ngân hàng với HTX M.Q ngày 31/01/2012 không vi phạm thời hạn bảo đảm tài sản trong thời hạn 05 năm theo cam kết của các bên trong hợp đồng thế chấp. Tại thời điểm ký hợp đồng thế chấp, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, ông M và bà H1 (là vợ chồng) tự

nguyện dùng tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình để thế chấp cho Ngân hàng. Hợp đồng thế chấp được các bên ký tại Văn phòng công chứng và làm thủ tục đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định pháp luật. Theo biên bản xác M ngày 30/10/2019 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội, quận Nam Từ Liêm đã xác nhận: Căn hộ chung cư P..., khu đô thị M.Đ II, xã M.Đ, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là phường MĐ2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội) được UBND huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 903125 cho ông Tr.V.P ngày 30/3/2006. Ngày 04/12/2006 Văn phòng đăng ký đất và nhà huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã đăng ký biến động sang tên cho ông Nguyễn Văn M và bà Hoàng Thị H1 theo Hợp đồng mua bán căn hộ số 966.2006/MBN, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD được phòng công chứng số 4 thành phố Hà Nội chứng nhận ngày 07/11/2006.

Ngày 27/12/2010, Văn phòng đăng ký đất và nhà huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã xác nhận đăng ký thế chấp bằng quyền sở hữu căn hộ chung cư P.. - ĐN2, khu đô thị M.Đ II, xã M.Đ, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là phường MĐ2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội), diện tích sử dụng riêng 143,4m^2 cho bên vay là HTX M.Q với Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt nam theo Hợp đồng thế chấp căn hộ chung cư của bên thứ ba số 3035.2010/HĐTC được Văn phòng công chứng Nghĩa Tú - thành phố Hà Nội chứng nhận ngày 24/12/2010. Từ ngày 27/12/2010 đến nay, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội, quận Nam Từ Liêm chưa thực hiện thủ tục đăng ký biến động nào khác.

Bà Hoàng Thị H1 và ông Nguyễn Văn M là vợ chồng hợp pháp, cả hai cùng thực hiện giao dịch, cùng ký hợp đồng thế chấp tài sản, do đó căn cứ Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì bà H1 phải có trách nhiệm phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận, xác lập theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Như vậy, hợp đồng thế chấp căn hộ chung cư của bên thứ ba số 146 - 1/2010/HĐTC- KHDN ngày 24/12/2010 do các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện. Tại thời điểm giao kết hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có công chứng chứng thực và làm thủ tục đăng ký giao dịch đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng thế chấp nêu trên có giá trị pháp lý. Căn cứ vào Điều 342, 343; khoản 5, khoản 7 Điều 351; 355 Bộ luật dân sự năm 2005 thì nếu HTX M.Q không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ cho Ngân hàng thì khi bản án có hiệu lực pháp luật Ngân hàng có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ vay là có cơ sở pháp luật.

* Từ những căn cứ và phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của HTX M.Q và không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị H1. Giữ nguyên quyết định của Bản án KDTM sơ thẩm số 09/2020/KDTM-ST ngày 09/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

Do HTX M.Q hiện nay đang trong quá trình tiến hành các thủ tục giải thể theo Quyết định giải thể bắt buộc số 56/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 và Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 thành lập "Hội đồng giải thể bắt buộc"

của Chủ tịch UBND huyện Nh.X, tỉnh Thanh Hóa nên cần phải sửa án sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ của HTX M.Q để Hội đồng giải thể HTX M.Q xem xét đảm bảo quyền lợi cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí phúc thẩm: THX M.Q và bà Hoàng Thị H1 phải chịu án phí KDTM phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của Hợp tác xã M.Q (Bị đơn) và bà Hoàng Thị H1 (Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan). Giữ nguyên Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2020/KDTM-ST ngày 09/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

[2]. Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 30; Điều 144; khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 342, 343; khoản 5, khoản 7 Điều 351; 355; 471; khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Điều 90, 91,94, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng;
- Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm và khoản 13 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22/02/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm;
- Khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 17/10/2016.
- Khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[3]. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Viên Nam.

1. Buộc Hợp tác xã M.Q phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam tổng số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012, tính đến ngày 08/9/2020 là **4.319.745.916đ** (Bốn tỷ, ba trăm mười chín triệu, bảy trăm bốn lăm nghìn, chín trăm mười sáu đồng), trong đó: nợ gốc 2.756.795.833đ (Hai tỷ, bảy trăm năm sáu triệu, bảy trăm chín lăm nghìn, tám trăm ba ba đồng), nợ lãi 1.562.950.083đ (Một tỷ, năm trăm sáu hai triệu, chín trăm năm mươi nghìn, không trăm tám ba đồng).

Kể từ ngày 09/9/2020, Hợp tác xã M.Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng

số 31/2012/HĐTD-KHDN ngày 31/01/2012 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ gốc.

- Hội đồng giải thể hợp tác xã bắt buộc đối với Hợp tác xã M.Q theo Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của Chủ tịch UBND huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa đưa khoản nợ trên của Hợp tác xã M.Q đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam vào trong quá trình giải quyết các thủ tục giải thể theo quy định của pháp luật.

2. Xử lý tài sản thế chấp: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Hợp tác xã M.Q không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ được khoản nợ trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là: Quyền sở hữu căn hộ chung cư, diện tích nhà ở sử dụng riêng 143,4m^2 (tầng...nhà ... tầng), diện tích đất ở sử dụng chung 1160m^2 tại địa chỉ P... - ĐN2, khu đô thị M.Đ II, xã M.Đ, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là phường MĐ2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 903125 do UBND huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội cấp ngày 30/03/2006 cho ông Tr.V.P. Ngày 04/12/2006 Văn phòng đăng ký đất và nhà huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã đăng ký biến động sang tên cho ông Nguyễn Văn M và bà Hoàng Thị H1 theo hợp đồng mua bán căn hộ số 966.2006/MBN, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD được phòng công chứng số 4 thành phố Hà Nội chứng nhận ngày 07/11/2006, theo hợp đồng thế chấp căn hộ chung cư của bên thứ ba số 146 -1/2010/HĐTC- KHDN ngày 24/12/2010.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Hợp tác xã M.Q phải nộp 112.319.000đ *(Một trăm mười hai triệu, ba trăm mười chín nghìn đồng)* án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 58.508.330đ *(Năm mươi tám triệu, năm trăm lẻ tám nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng)* đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003003 ngày 01/12/2014 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

4. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

- Hợp tác xã M.Q phải nộp 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)* án phí phúc thẩm, được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001455 ngày 21/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hóa. Đã nộp đủ.

- Bà Hoàng Thị H1 phải nộp 2.000.000đ *(Hai triều đồng)* án phí phúc thẩm, được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001547 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hóa. Đã nộp đủ.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại HN;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND TP Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Hội đồng giải thể HTX M.Q thuộc UBND huyện Như Xuân;
- Lưu HSVA.

Hà Huy Hùng